TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **64**/2023/QĐST-DS	*Thanh Trì, ngày 05 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 299, 317, 320, 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 2 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Khoản 2 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 67/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: ***Ngân hàng TMCP P***

Trụ sở: phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T– Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T1 (Giấy ủy quyền ngày 09/5/2023)

Bị đơn: Ông Bùi Văn K – sinh năm 1964

Bà Phan Thị Kim T2 – sinh năm 1966

Cùng trú tại: thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội.

(ông Bùi Văn K ủy quyền cho bà Phan Thị Kim T2 theo biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2023)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Xác nhận đến hết ngày 01/6/2023 bà Phan Thị Kim T2 và ông Bùi Văn K còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền 1.360.550.474 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc là 1.066.966.164 đồng, Nợ lãi là 293.584.310 đồng phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0048/2013/HĐTD-CN ngày 24/06/2013 và Hợp đồng tín dụng số 0090/2014/HĐTD-CN ngày 25/09/2014 và các Khế ước nhận nợ.

* Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về lộ trình thanh toán khoản nợ như sau:

+ Chậm nhất đến ngày 27/9/2023 bà Phan Thị Kim T2 và ông Bùi Văn K sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho ngân hàng.

+ Bà Phan Thị Kim T2 và ông Bùi Văn K tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từ ngày 02/6/2023 cho đến khi bà Phan Thị Kim T2 và ông Bùi Văn K hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P.

+ Trường hợp bà Phan Thị Kim T2 và ông Bùi Văn K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 46, địa chỉ tại Khu G, Thị trấn V, Huyện T, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của bà Phan Thị Kim T2 và ông Bùi Văn K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 927057, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1721/2007/QĐ-UBND/00754 do UBND Huyện T, Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/08/2007 đứng tên ông Bùi Văn K và bá Phan Thị Kim T2 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 019397/2013; Quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 27/06/2013; Phụ lục số 01 số công chứng: 019397/2013; Quyển số 02 TP/CC-SCC/PLHĐ ngày 25/09/2014 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Bà Phan Thị Kim T2 và ông Bùi Văn K tự nguyện chịu cả 26.408.257 đồng án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng TMCP P số tiền 24.345.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0063671 ngày 31 tháng 5 năm 2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã kí)

Nguyễn Thị Phương